

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 26/3/2025.

V/v “**Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa**”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hòa, bà Phạm Thị Hồng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng là Thư ký viên TAND huyện

Cư Jút.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Xuân Dương, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2025/TLST-DS, ngày 10/12/2024, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS, ngày 24/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/DSST - QĐ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Th

Địa chỉ: 474/26 Quốc lộ 13, phường Ph, Tp Đ, Tp Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – C/v: Giám đốc

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương Tr. Có mặt

Địa chỉ: 474/26 Quốc lộ 13, phường Ph, Tp Đ, Tp Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Th. Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/01/2021 Công ty TNHH Th (sau đây gọi tắt là Công ty Th) và ông Nguyễn Đình Th có ký hợp đồng mua bán thiết bị chuồng trại, theo đó ông Th mua hàng hóa của Công ty Th với tổng số tiền là 416.094.000 đồng. Theo thỏa thuận sau khi nhận hàng thì ông Th phải thanh toán cho Công ty Th số tiền là 300.000.000 đồng, số tiền còn lại là 116.094.000 đồng thì ông Th có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 21/02/2021. Tuy nhiên ông Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Từ thời điểm mua hàng

đến nay ông Th mới chỉ thanh toán cho Công ty Th được 150.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 266.094.000 đồng ông Th chưa thanh toán cho Công ty. Công ty Th đã nhiều lần đến gặp vợ chồng ông Th, bà H yêu cầu ông bà thanh toán nợ, tuy nhiên ông Th không thực hiện nghĩa vụ của mình. Nay Công ty Th yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Th phải thanh toán cho Công ty Th với tổng số tiền là 406.238.709 đồng. Trong đó số nợ gốc là 266.094.000, tiền lãi là 140.144.709 đồng.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất do chậm nghĩa vụ thanh toán nợ từ ngày 30/01/2021 đến 28/02/2022 với lãi suất là 1%, từ ngày 01/3/2023 đến nay (26/3/2025) là 2%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất đối với phần nợ gốc chậm thanh toán từ ngày 01/3/2023 đến nay (ngày 26/3/2025) là 1%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị H tuy nhiên tại phiên tòa ông Th, bà H vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà công nhận nội dung người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng sự thật. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà H chưa thanh toán nợ gốc, lãi được cho Công ty Th. Nay trước yêu cầu khởi kiện của công ty Th thì gia đình bà H, ông Th đồng ý thanh toán nợ cho công ty nhưng vì điều kiện gia đình khó khăn nên xin được trả dần.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Th, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Th tổng số tiền là 406.238.709 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Công ty TNHH Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình Th thanh toán tiền mua thiết bị chuồng trại với tổng số tiền là 266.094.000 đồng nợ gốc, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Đình Th có nơi cư trú tại thôn T, xã P, huyện Cư Jút. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét nội dung khởi kiện của Công ty TNHH Th yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình Th có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền mua thiết bị chuồng trại với tổng số tiền là 406.238.709 đồng, trong đó số nợ gốc là 266.094.000 đồng, số tiền lãi là 140.144.709 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chứng cứ mà Công ty Th cung cấp cung cấp cho Tòa án là Bản đối chiếu và xác nhận thanh toán công nợ ngày 25/4/2021; Bản đối chiếu và xác nhận thanh toán công nợ ngày 05/3/2022; Bản đối chiếu và xác nhận thanh toán công nợ ngày 15/9/2023. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H (vợ ông Th) cũng thừa nhận những nội dung trong các tài liệu, chứng cứ mà Công ty Th cung cấp là đúng sự thật, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết này là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 30/01/2021 Công ty Th có bán cho ông Nguyễn Đình Th trang thiết bị chuồng trại với tổng số tiền là 416.094.000 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu, không trăm chín mươi tư nghìn đồng). Ngày 18/5/2021 ông Th đã thanh toán được cho Công ty Th số tiền 100.000.000 đồng, ngày 02/7/2021 ông Th thanh toán cho Công ty Th số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 266.094.000 đồng. Do đó theo **Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015** thì giao dịch mua bán này đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ của các bên. Nội dung các biên bản đối chiếu và xác nhận thanh toán công nợ thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, lãi suất. Việc ông Th không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ của bên mua được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất từ 30/01/2021 đến 28/02/2022 với lãi suất là 1%, từ ngày 01/3/2023 đến nay (26/3/2025) là 2%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất đối với phần nợ gốc chậm thanh toán từ ngày 01/3/2023 đến nay (ngày 26/3/2025) là 1%/tháng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần được chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: $266.094.000 \times 1\% \times 50 \text{ tháng}$ 12 ngày (làm tròn 24 tháng) = 140.144.709 đồng.

[5]. Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được nhận nên ông Th, bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430; Điều 433; Điều 434; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Th.

Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị H trả cho Công ty TNHH Th số tiền 406.238.709 đồng, trong đó số nợ gốc là 266.094.000 đồng, tiền lãi là 140.144.709 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị H phải chịu nộp số tiền 20.311.935 đồng (làm tròn 20.312.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Hoàn trả Công ty TNHH Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.800.000 đồng theo biên lai số 0005226, ngày 09/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS H. Cư Jút;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Tím